

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG NĂNG
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 46/2019/DS-ST

Ngày: 24 - 10 - 2019.

“V/v: tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG NĂNG, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Ngọc San

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thanh Phong.

2. Bà Nguyễn Thị Chinh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hạnh – Thư ký TAND huyện Krông Năng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Năng tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 10 năm 2019 tại Tòa án nhân dân huyện Krông Năng tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 136/2019/TLST-DS ngày 06 tháng 5 năm 2019 về việc *“Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 43/2019/QĐXXST-DS ngày 23 tháng 9 năm 2019, và Quyết định hoãn phiên tòa số 38/QĐST - DS ngày 10 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà H' N Bya (Amí T).

Địa chỉ: Buôn S, xã E, Thị xã B, tỉnh Đắk Lắk – Có mặt.

- Bị đơn: ông Y B Mlô (Ama M) và bà H' N Niê (Amí M1).

(Ông Y B Mlô ủy quyền cho Bà H' N Niê tham gia tố tụng theo giấy ủy quyền ngày 05/7/2019 – Bà H' N Niê vắng mặt)

Địa chỉ: Buôn W, Thị trấn K, huyện Krông N, Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 24/4/2019, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn bà H' N Bya trình bày:

Vào ngày 23/8/2018 bà H' N Bya cho vợ chồng ông bà Y B Mlô – H' N Niê vay số tiền là 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng) thời hạn vay là 10 ngày, khi vay hai bên có thỏa thuận miệng về lãi suất, quá trình giải quyết vụ án bà có trình bày là khi vay hai bên thỏa thuận tính lãi 3.000đ/1.000.000đ/ ngày. Đến cuối tháng 9/2018 thì vợ chồng ông Y B chỉ mới trả cho bà được 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng) tiền nợ gốc và 5.000.000 đồng tiền lãi, trong số tiền đã trả thì bà Nguyễn Thị T trả thay 10.000.000đ, bà H' J Niê trả 10.000.000 đồng, còn 5.000.000

đồng bà nhận tại nhà bà H' N và có ghi vào mặt sau giấy mượn tiền, bà H' N ký xác nhận. Các lần trả tiền bà không nhớ thời điểm cụ thể, chỉ nhớ là cuối tháng 9/2018. Số tiền nợ gốc còn lại là 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng) thì cho đến nay vợ chồng ông Y B vẫn chưa trả cho bà. Vì vậy bà H' N Bya khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Y B và bà H' Ni trả cho bà số tiền nợ gốc 30.000.000 đồng. Do ông Y B và bà H' N đã trả 5.000.000đ nên bà không yêu cầu tiếp tục tính lãi suất. Nếu trường hợp số tiền lãi mà bà đã nhận vượt quá mức lãi theo quy định của pháp luật, thì bà chấp nhận khấu trừ số tiền lãi vượt quá vào số nợ gốc.

- Quá trình giải quyết vụ án bị đơn và là người đại diện theo ủy quyền của đồng bị đơn là ông Y B Mlô: bà H' N Niê trình bày:

Vợ chồng bà H' N Niê công nhận vào ngày 23/8/2018 có ký giấy vay của bà H' N Bya số tiền 50.000.000 đồng, thời hạn vay 10 ngày. Tuy nhiên sau khi ký giấy 04 ngày thì bà H' N mới lấy tiền và số tiền thực tế mà bà H' N nhận là 37.000.000 đồng (Ba mươi bảy triệu đồng) chứ không phải là 50.000.000 đồng, lãi suất tiền vay là 5.000đ/1.000.000đ/ngày. Số tiền này bà H' N đã trả xong, cụ thể:

- Bà H' N cầm cổ xe máy 10.000.000 đồng và đã trực tiếp trả cho bà H' N tại nhà bà H' N. Số tiền này trả vào ngày 16/9/2018. Việc trả tiền không có giấy tờ gì.

- Ngày 22/9/2018 bà H' J trả nợ thay cho bà số tiền 10.000.000 đồng, khi bà H' J trả tiền thì không có mặt bà.

- Sau khi bà H' J trả nợ thay khoảng 01 tuần thì bà Nguyễn Thị T trả nợ thay cho bà 10.000.000đ, khi bà T trả tiền thì không có mặt bà.

- Bà H' N nhận tại nhà bà 6.000.000đ, về ngày trả tiền bà không nhớ cụ thể, số tiền trả này có ghi vào mặt sau giấy vay nợ mà bà H' N đang giữ.

Như vậy bà đã trả cho bà H' N tổng số tiền là 36.000.000đ, vì vậy việc bà H' N khởi kiện yêu cầu ông bà trả 30.000.000đ là không đúng, ông bà không chấp nhận.

Tại phần tranh luận, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đầy đủ và đúng các quy định của bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa các đương sự tuân thủ nội quy phiên tòa và sự điều khiển của chủ tọa phiên tòa.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Tại phiên tòa hôm nay bị đơn và là người đại diện theo ủy quyền của đồng bị đơn là bà H' N Niê vắng mặt không có lý do, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ

2. Vì vậy, căn cứ khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 BLTTDS, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn

[2]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Căn cứ vào yêu cầu của nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ thu thập có trong hồ sơ, HĐXX thấy rằng: Giữa bà H' N Bya với ông Y B Mlô và bà H' N Niê có thực hiện giao dịch vay tiền. Cho rằng ông Y B và bà H' N thực hiện nghĩa vụ trả nợ không đầy đủ nên bà H' N khởi kiện tại Tòa án. Vì vậy HĐXX xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 BLTTDS và thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện Krông Năng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 BLTTDS.

[3]. Về nội dung:

Quá trình giải quyết vụ án các bên thừa nhận có xác lập giao dịch vay nợ với nhau. Tuy nhiên các bên không thống nhất được tổng số tiền mà hai bên đã thực hiện giao dịch và số tiền đã trả. Cụ thể: Bà H' N Bya cho rằng đã cho ông Y B Mlô và bà H' N Niê vay số tiền 50.000.000 đồng và mới trả được 20.000.000đ tiền nợ gốc và 5.000.000đ tiền lãi. Ông Y B và bà H' N chỉ thừa nhận vay số tiền 37.000.000đ và đã trả được 36.000.000đ, HĐXX thấy rằng:

[3.1]. Về số tiền mà ông Y B và bà H' N Niê đã vay: Ông Y B và bà H' N cho rằng chỉ nhận 37.000.000đ. Tuy nhiên ông Y B và bà H' N Niê không cung cấp được bất kỳ tài liệu chứng cứ nào để chứng minh. Vì vậy HĐXX xác định số tiền mà ông Y B và bà H' N Niê đã vay của bà H' N Bya là 50.000.000đ.

[3.2] Về số tiền đã trả: Ông Y B và Bà H'N cho rằng đã trả cho bà H' N 36.000.000đ, bao gồm: Bà H' N trả 10.000.000đ, bà H' J trả nợ thay 10.000.000 đồng, bà Nguyễn Thị T trả nợ thay cho bà 10.000.000đ, Bà H' N nhận tại nhà bà H' N 6.000.000đ, về ngày trả tiền bà không nhớ cụ thể, số tiền trả này có ghi vào mặt sau giấy vay nợ lập ngày 23/8/2018. Bà H' N chỉ thừa nhận đã nhận từ bà T 10.000.000đ và bà H' J 10.000.000đ; nhận từ bà H' N 5.000.000đ. HĐXX thấy rằng: Tại mặt sau của “ Giấy mượn tiền” lập ngày 23/8/2018 (BL số 51) có thể hiện nội dung “Amí T có nhận 5.000.000đ” có chữ ký của bà H' N Niê (Amí M1), ngoài ra các lần trả tiền khác đều không có tài liệu chứng cứ gì chứng minh. Bà H' N chỉ thừa nhận ông Y B và bà H' N đã trả 25.000.000đ, bao gồm: Nhận từ bà T và bà H' J 20.000.000đ, nhận từ bà H' N Niê 5.000.000đ. Quá trình giải quyết vụ án ông Y B và bà H' N không cung cấp được tài liệu chứng cứ nào để chứng minh số tiền mà mình đã trả cho bà H' N ngoài số tiền mà bà H' N đã thừa nhận, mặc dù Tòa án đã có yêu cầu. Vì vậy HĐXX căn cứ vào nội dung mà các đương sự đã thống nhất và các tài liệu chứng cứ đã thu thập được để xác định số tiền mà bị đơn đã trả cho nguyên đơn là 25.000.000đ, trong đó có 20.000.000đ tiền nợ gốc và 5.000.000đ tiền lãi suất.

[3.3] Về lãi suất: Mặc dù quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn cho rằng đã nhận tiền lãi là 5.000.000đ, nên chỉ yêu cầu trả số nợ gốc, không yêu cầu tiếp tục tính lãi suất. Tuy nhiên, do nguyên đơn đã nhận tiền lãi, để đảm bảo quyền lợi cho các bên, HĐXX xét thấy cần tính toán lại để xác định số tiền lãi

mà nguyên đơn đã nhận có phù hợp với quy định của pháp luật hay không để có căn cứ xử lý. Quá trình giải quyết và tại phiên tòa hôm nay cả hai bên đều xác định khi vay tiền thì hai bên đều có thỏa thuận về lãi suất, nhưng mức lãi mà hai bên đưa ra là không thống nhất, cụ thể: Bà H' N cho rằng khi vay tiền hai bên có thỏa thuận về lãi suất là 3.000đ/1.000.000đ/ngày (9%/tháng), ông Y B và bà H' N cho rằng lãi suất tiền vay là 5.000đ/1.000.000đ/ngày (15%/tháng). Mặc dù hai bên không thống nhất được mức lãi suất, tuy nhiên mức lãi suất mà hai bên đưa ra là vượt quá mức lãi suất 20%/năm, quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự, vì vậy HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 468 BLDS để tính toán lại mức lãi suất. Trường hợp tiền lãi mà bị đơn đã trả vượt quá mức lãi suất theo quy định của pháp luật thì phần vượt quá được khấu trừ vào số nợ gốc còn lại.

Về thời điểm để tính lãi suất: Nguyên đơn không yêu cầu tính lãi suất đối với số nợ gốc còn lại, nên HĐXX xác định thời điểm tính lãi suất là thời gian kể từ khi hai bên xác lập giao dịch vay tiền là ngày 23/8/2018 cho đến khi bị đơn có trả cho nguyên đơn 20.000.000đ tiền nợ gốc và 5.000.000đ tiền lãi, do không xác định được thời điểm trả số tiền này, nhưng do các đương sự đều xác định số tiền này được trả vào cuối tháng 9/2018. Vì vậy HĐXX xác định số tiền 25.000.000đ được trả sau khi hai bên xác lập giao dịch vay tiền là cuối tháng 9/2018 (Ngày 30/9/2018). Như vậy số tiền lãi trên nợ gốc trong thời gian trên cụ thể như sau:

$50.000.000đ \times 20\%/năm \times 37 \text{ ngày (Từ ngày 23/8/2018 đến ngày 30/9/2018)} = 1.027.777đ.$

Ông Y Bhit và bà H' N đã trả 5.000.000đ tiền lãi, như vậy số tiền lãi vượt quá là $5.000.000đ - 1.027.777đ = 3.972.223đ.$

Khấu trừ số tiền lãi đã trả vượt quá vào nợ gốc, số nợ gốc mà Y B và bà H' N còn phải trả là $30.000.000đ - 3.972.223đ = 26.027.777đ.$

Từ những phân tích nêu trên, để đảm bảo quyền lợi cho bên bị vi phạm, HĐXX xét thấy cần áp dụng các Điều 463, 466 và 468 của Bộ luật dân sự, chấp nhận yêu cầu của bà H' Nõ Bya, buộc ông Y B và bà H' N phải liên đới trả cho bà H' N số tiền 26.027.777đ.

[4]. Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận; bị đơn không thuộc trường hợp được miễn, giảm án phí nên bị đơn, phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là $26.027.777đ \times 5\% = 1.301.388đ.$

Do nguyên đơn chấp nhận khấu trừ tiền lãi đã nhận vào nợ gốc, trong trường hợp số tiền lãi mà nguyên đơn đã nhận vượt quá mức lãi quy định của pháp luật, nên không phải chịu án phí đối với phần yêu cầu không được chấp nhận. Vì vậy nguyên đơn được trả lại số tiền đã nộp tạm ứng án phí tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Năng tỉnh Đắk Lắk.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 3 Điều 144; khoản 1 Điều 147; Điều 271; Khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H' N Bya.

Buộc ông ông Y Bhit Mlô bà H' Ni Niê phải liên đới trả cho bà H' N Bya số tiền gốc là 26.027.777đ.(Hai mươi sáu triệu không trăm hai mươi bảy ngàn bảy trăm bảy mươi bảy đồng).

Áp dụng Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự để tính lãi suất đối với khoản tiền chậm thi hành án khi người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án.

2. Về án phí: Ông Y B Mlô bà H' N Niê phải nộp 1.301.388đ (Một triệu ba trăm lẻ một ngàn ba trăm tám mươi tám đồng) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Trả lại cho bà H' N Bya 750.000đ (Bảy trăm năm mươi ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Năng tỉnh Đắk Lắk theo biên lai số AA/2017/0010697 ngày 02/5/2019.

3. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Krông Năng;
- THADS huyện Krông Năng;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

BÙI NGỌC SAN